LÊ QUÝ ĐÔN VỚI VIỆC THU THẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN THÔNG TIN TRONG BIÊN SOẠN SỬ SÁCH

**I. Sơ lược về thân thế và sự nghiệp**

Bảng nhãn Lê Quý Đôn (1726 - 1784), hiệu là Quế Đường, người xã Diên Hà, huyện Diên Hà, trấn Sơn Nam (nay là xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), là nhà bác học uyên bác nhất thời phong kiến Việt Nam. Ông làm quan thời Lê trung hưng, được chính quyền Lê- Trịnh bổ nhiệm các chức vụ chính: Hàn lâm viện Thị thư, Hàn lâm viện Thừa chỉ, Tổng tài quốc sử, Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Hiệp trấn tham tán quân cơ Thuận Hóa, Hữu Thị lang bộ Công, Phó sứ trong chuyến đi sứ Trung Quốc năm 1760… Lê Quý Đôn là tác giả của hàng chục bộ sách nổi tiếng thuộc nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau. Về sử học có: Đại Việt thông sử (Lê triều thông sử), Phủ biên tạp lục, Bắc sử thông lục…; về văn học có: Quế Đường thi tập, Quế Đường văn tập, Toàn Việt thi lục…; về triết học có: Quần thư khảo biện, Thư Kinh diễn nghĩa, Dịch kinh phụ thuyết… về sách tổng hợp kiến thức xã hội và tự nhiên có: Vân đài loại ngữ, Kiến vân tiểu lục[[1]](#endnote-1)… Các học giả xưa và nay đều có chung nhận xét: Lê Quý Đôn là nhà bác học am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực kiến thức của thời đại đương đại. Điếu văn của quan Tham tụng Bùi Huy Bích (vốn là học trò của ông) thay mặt vua Lê và chúa Trịnh đọc tại tang lễ Lê Quý Đôn (mất ngày 4/7/1784) ở quê ngoại DuyTiên, HàNam viết rằng: “Học vấn sâu rộng, văn chương lỗi lạc, thông minh nhất đời, trước tác không mệt. Nước ta trong khoảng 200 năm nay mới có một người như Thầy”[[2]](#endnote-2). Còn nhà sử học Phan Huy Chú thời Nguyễn đã ca ngợi: “Ông tư chất khác đời, thông minh hơn người, bình sinh làm sách rất nhiều. Bàn về kinh sử thì sâu sắc, rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng ở trên đời”[[3]](#endnote-3) Nhà phê bình văn học Phạm Tú Châu trong nhận xét về tác phẩm Vân đài loại ngữ đã viết rằng: “… Có thể tìm thấy ở đây những tư liệu phong phú, có giá trị, giúp ích cho việc nghiên cứu nhiều môn khoa học xã hội như văn, sử, triết, ngôn ngữ và các môn khoa học tự nhiên như nông học, sinh vật học”[[4]](#endnote-4).

Duyên do nào để Lê Quý Đôn trở thành nhà bác học có tri thức uyên bác như vậy? Theo giới nghiên cứu có mấy lý do chủ yếu sau đây:

-Trước hết, Lê Quý Đôn là một thiên tài bẩm sinh, lại sinh trưởng trong một gia đình nho học, có bố là tiến sĩ Lê Trọng Thứ, làm quan đến chức Thượng thư bộ Hình, do đó có nhiều điều kiện thuận lợi trong học tập và nghiên cứu. Thuở nhỏ ông đã nổi tiếng là thần đồng, 11 tuổi đã học và đọc kinh sử, 14 tuổi thông hiểu Tứ thư Ngũ kinh, lịch sử Trung hoa cổ trung đại; 17 tuổi thi đỗ giải nguyên (đỗ đầu cử nhân), 27 tuổi đỗ hội nguyên (đỗ đầu tiến sỹ), vào thi đình đỗ bảng nhãn (Khoa thi hội năm đó không lấy trạng nguyên). Bài thơ thất ngôn bát cú “Rắn đầu biếng học” nổi tiếng ông làm lúc 8 tuổi, do bạn học của cha là tiến sĩ Vũ Công Trấn ra đề vẫn còn lưu truyền đến ngày nay. Đặc điểm của bài thơ này là mỗi câu thơ đều có tên một loài rắn[[5]](#footnote-1)

Thứ hai, Lê Quý Đôn rất ham hiểu biết, ham đọc và ham viết. Để thỏa mãn nhu cầu hiểu biết tận tường mọi sự vật, nhà bác học một mặt chú ý quan sát, nghiên cứu thực tiễn, ghi chép, nhận xét những điều mắt thấy tai nghe; mặt khác rất quan tâm học hỏi kiến thức từ các thư tịch. Ông đã đọc rất nhiều sách chữ Hán của các sử gia, triết gia, nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ…Trung Quốc và Việt Nam. Trong quá trình đọc, với trí nhớ siêu việt, lại thêm khả năng suy xét, phán đoán, ông đã trang bị cho mình một nền kiến thức sâu rộng về các lĩnh vực khoa học đương thời.

**II. Các loại thông tin (tư liệu) được Lê Quý Đôn thu thập và sử dụng trong biên soạn sử sách.**

Như trên đã đề cập, để thỏa mãn các ham muốn về hiểu biết, Lê Quý Dôn đã rất quan tâm khảo sát, nghiên cứu thực tiễn về nhiều mặt; đọc, nghiên cứu nhiều loại thư tịch của Trung Quốc và Việt Nam. Và, không dừng lại ở đó, ông còn muốn bày tỏ, truyền đạt những kiền thức mà mình tích lũy được cho nhiều người, cho đời. Bởi vậy, Lê Quý Đôn đã viết nhiều bộ sách có giá trị. Kiến thức thu thập, tích lũy được từ thực tiễn và đọc sách là nguyên liệu chính để ông viết nên nhũng tác phẩm có giá trị lớn như Đại Việt thông sử, Vân đài loại ngữ, Phủ biên tạp lục, v.v…Tiến sĩ Trân Danh Lâm, bạn đồng liêu của Lê Quý Đôn đã viết về ông: “Lê Quế Đường người huyện Diên Hà, không sách gì không đọc, không vật gì không suy xét đến cùng, ngày thường ngậm nghĩ được điều gì đều viết thành sách, sách chất đầy bàn, đầy tủ, kể ra khôn xiết”[[6]](#endnote-5). Đặc biệt, trong các tác phẩm của Lê Quý Đôn, khi trình bày các ý tưởng, quan điểm hoặc nhận xét về các sự kiện, sự việc. ông thường minh họa bằng những cứ liệu lấy từ thực tiễn, hoặc lời giáo huấn, chỉ bảo của các danh nhân. Nhà lý luận văn học Nguyễn Lộc viết rằng:” Lê Quý Đôn không những có thiên tài, mà ông làm việc cũng hết sức cần cù, chịu khó. Không sách gì không đọc, không việc gì ông không suy nghĩ, quan sát, ghi chép. Chỉ riêng trong bộ Vân đài loại ngữ, ông đã trích dẫn cả thảy 557 cuốn sách. Trong đó có cả những cuốn sách của châu Âu dịch ra tiếng Trung Quốc”[[7]](#endnote-6). Lê Quý Đôn cũng đã tự giới thiệu về mình trong Lời tựa sách Kiến văn tiểu lục như sau:” Tôi vốn là người nông cạn, lúc còn bé thích chứa sách, lúc trưởng thành ra làm quan, xem lại sách đã chứa trong tủ, vâng theo lời dạy lúc qua sân( ý nói vâng tbeo lời dạy của cha, V.Đ.Q), lại được giao du nhiều với các hiền sĩ đại phu, thêm vào đấy phụng mệnh làm việc công, bốn phương rong ruổi, mặt Bắc sang sứ Trung Quốc, mặt Tây bình định Ai Lao, mặt Nam trấn thủ Thuận Quảng, đi đến đâu cũng để ý tìm tòi, phàm việc gì mắt thấy tai nghe, đều dùng bút ghi chép, lại pha thêm lời bình luận sơ qua, giao tiểu đồng đựng vào túi sách, lâu ngày tích tập, sau mới chép thành từng thiên…”[[8]](#endnote-7). Chính nhờ khảo sát thực tế và ghi chép những điều mắt thấy tai nghe, mà chỉ trong 6 tháng làm Hiệp trấn tham tán quân cơThuận Hóa , Lê Quý Đôn đã viết xong tác phẩm Phủ biên tạp lục Điều đáng lưu ý, đây là văn bản sớm nhất ghi chép Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. Hiện nay là một trong những chứng cứ quan trọng trong công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Lê Quý Đôn viết: “… Phủ Quảng Ngãi, ở ngoài cửa biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, trước có phườngTư Chính, dân cư trồng đậu, ra biển bốn canh thì đến, phía ngoài nữa lại có đảo Đại Trường Sa, trước kia có nhiều hải vật và những hóa vật của tàu (những tàu, thuyền bị đắm do bão táp hoặc nguyên nhân khác, V Đ Q ), lập đội Hoàng Sa để lấy, đi 3 ngày đêm thì mới đến, lâ chỗ gần xứ Bắc Hải…”[[9]](#endnote-8).

Ngoài những kiến thức thu thập và tích lũy được qua đọc sách, quan sát, nghiên cứu, giải quyết thực tiễn,trong biên soạn sử sách, nhà bác học họ Lê còn quan tâm sử dụng một nguồn thông tin khác, đó là thông tin từ văn bản,giấy tờ của bộ máy quản lý nhà nước và tài liệu lưu trữ trong các gia đình, dòng họ Ông phê phán và cảm thấy nuối tiếc về những thiếu sót của bộ quốc sử Đại Việt sử ký toàn thư do Ngô Sỹ Liên và sử thần nhiều đời biên soạn. Chẳng hạn, sử đời Trần và đời Lý không ghi chép về luật pháp đương thời; sử đời Lê, nhất là thời Lê trung hưng, tuy do nhiều người biên soạn nhưng chép còn sơ sài, nhiều chỗ thiếu chính xác. Theo Lê Quý Đôn,một trong những nguyên nhân dẫn đến sai sót là các sử thần không tham khảo đầy đủ các nguồn tư liệu. Ông viết trong lời tựa của Đại Việt thông sử: “ Nước Việt ta dựng nước, đặt quan làm sử, nối tiếp nhau đều dùng thể biên niên để chép việc, như sử đời Lý của Lê Văn Hưu, sử đời Trần của Phan Phu Tiên, gọn gàng đúng đắn có thể dùng được, nhưng về điển chương của một triều đại thì bỏ nhiều không thấy chép, người xưa phải lấy làm tiếc… Từ đời Hồng Thuận [1509-1516] trở đi đến đời Dương Đức [1672-1673] buổi đầu trung hưng, các sử thần biên chép tiếp theo, tra xét góp nhặt không được rộng, ý nghĩa và thể lệ chép chưa tinh. Công việc hàng hơn trăm năm, mà biên soạn vốn không phải một người, thế mà chép sơ sài như thế”[[10]](#endnote-9). Ông phát biểu quan điểm chép sử của mình: “Đại để phép làm sử là phải mỗi sự kiện đều nhặt đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không được mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy...”[[11]](#endnote-10). Nhà bác học nêu ý kiến của một học giả Trung Hoa về các nguồn tư liệu mà người chép sử cần thu thập và xử lý : “ Lục Du nói: “Những tài liệu mà sử quan cần tới trên thì có Trung thư, Mật viện (những cơ quan của triều đình Trung Quốc, quyền ngang tể tướng, V.Đ.Q), dưới thì các phủ, các ty cho đến các quân quốc ở khắp bốn phương xa, thu thập tất cả tài liệu văn kiện ở các nơi ấy, rồi thêm vào điều chính tai nghe mắt thấy, lại xét những lời trong các bài bia ký, mộ chí, hành trạng, căn cứ vào công luận; xén bỏ những điều ngoa lầm của dã sử và tiểu thuyết. Cần lấy thiên hạ làm công, dẹp bỏ ý riêng của một nhà. Thế là việc chép sử thành vậy”[[12]](#endnote-11). Khi biên soạn Đại Việt thông sử, Lê Quý Đôn đã than phiền về việc thiếu thốn nguồn thông tin phản ánh về luật pháp và các mặt hoạt động khác của bộ máy nhà nước. Ông viết trong lời tựa của Nghệ văn chí: “Các bản chiếu, sách, sắc, lệnh, các bài ca, bài tụng, các tờ tâu, tờ biểu bàn bạc các điều lệ, điển chương của các triều Lý [1010-1224], Trần [1225-1400] trong thời gian hơn 300 năm, kể sao xiết được, thì nay đều thiếu tất cả. Riêng sách Thiên Nam dư hạ, ghi chép những chế độ, luật lệ, thư từ của bản triều [Lê] cũng giống như các bộ Thông điển, Hội yếu thì mười phần chỉ còn một hai phần. Các bậc học giả đúng đắn, xem nhiều, biết rộng, tìm đâu ra được tài liệu…”[[13]](#endnote-12). Lê Quý Đôn là học giả đầu tiên thời phong kiến Việt Nam phê phán chính quyền đương thời cũng như các vương triều trước đó đã không quan tâm đến việc tổ chức các cơ quan lưu giữ thư tịch và văn bản, giấy tờ giống như kiểu gác Thạch Cừ và gác Thiên Lộc của nhà Hán (Trung Quốc).Ông cho rằng đó là một trong những nguyên nhân chính khiến thư tịch, tài liệu của đất nước bị mất mát, hủy hoại phần lớn.Trong hoàn cảnh đó, để biên soạn Đại Việt thông sử, ngoài việc dựa vào các thực lục, liệt truyện, dã sử...Lê Quý Đôn đã tham khảo, sử dụng các thông tin của các văn bản khắc trên bia đá, chuông khánh, gia phả của các danh gia vọng tộc, những biên chép của các học giả dưới thời nhà Mạc. Ông viết trong lời tựa:…” Nay bắt đầu ghi chép thì thực lục lại chép sơ lược sai lầm, chưa thể căn cứ hoàn toàn vào đấy, lại phải tìm tòi từ các sách tạp, các bản sót,các liệt truyện, các dã sử, văn khắc vào bia vào đỉnh, gia phả của các thế gia, cùng là các bản sao chép của các học giả Bắc triều. Phải trái bù nhau, nửa sai nửa đúng, tìm hỏi đã khó, đính chính lại không dễ...”[[14]](#endnote-13).

Chú thích:

1. . Từ điển Văn học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,1983, tập 1, trang 386. [↑](#endnote-ref-1)
2. . Bùi Hạnh Cẩn, Lê Quý Đôn, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1985, trang 232. [↑](#endnote-ref-2)
3. . Từ điển Văn học, sđd, tập 1, trang 386 [↑](#endnote-ref-3)
4. . Từ điển Văn học, sđd, tập 2, trang 534. [↑](#endnote-ref-4)
5. Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,

   Rắn đầu biếng học chả ai tha.

   Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,

   Nay thét mai gầm rát cổ cha.

   Ráo mép chỉ quen tuồng lếu láo,

   Lằn lưng cam chịu vết năm ba.

   Từ nay Trâu Lỗ xin chăm học,

   Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia [↑](#footnote-ref-1)
6. . Viện Sử học, Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2007, trang 27 [↑](#endnote-ref-5)
7. . Từ điển Văn học, sđd, tập 2, trang 486 [↑](#endnote-ref-6)
8. . Viện Sử hoc, Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2007, trang 10. [↑](#endnote-ref-7)
9. . Viện Sử học, Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục, sđd, trang 150, 151. [↑](#endnote-ref-8)
10. . Viện Sử học, Lê Quý Đôn, Đại Việt thông sử, sđd, trang 22, 23 [↑](#endnote-ref-9)
11. . Viện Sử học, sđd, trang 24. [↑](#endnote-ref-10)
12. . Viện Sử học, sđd, trang 29, 30. [↑](#endnote-ref-11)
13. . Viện Sử học, sđd, trang 125, 126. [↑](#endnote-ref-12)
14. . Viện Sử học, sđd, trang 26.

    Bài viết gửi đăng Tạp chí Dấu ấn thời gian số 3=3019. [↑](#endnote-ref-13)